

# Hào khí thiên môn xứ Thanh và các vị ni sư trong kháng chiến

ISSN: 2734-9195 13:30 28/11/2025

Ni giới xứ Thanh đã thể hiện rõ tinh thần “đạo pháp đồng hành cùng dân tộc”, đồng thời khẳng định sức sống bền bỉ của Phật giáo – một tôn giáo gắn bó máu thịt với vận mệnh đất nước.

Tác giả: **Kiều Phương Nhung (1)**

*Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội*

## 1. Dẫn nhập

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, Phật giáo luôn là tôn giáo gắn bó mật thiết với vận mệnh quốc gia, đồng hành cùng nhân dân trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Thanh Hóa - vùng đất địa linh nhân kiệt - không chỉ là cái nôi sản sinh nhiều triều đại và anh hùng dân tộc, mà còn sớm ghi dấu trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Từ thế kỷ VI-VII, vùng Ái Châu đã xuất hiện những vị tăng tiêu biểu như Pháp Hiền, đệ tử của Tỳ Ni Đa Lưu Chi, đến đây truyền bá giáo pháp. Sang thế kỷ VII-VIII, hai thiền sư Trí Hành và Đại Thừa Đăng, cũng người Ái Châu, từng sang Ấn Độ cầu học, được ghi nhận trong tư liệu Phật giáo quốc tế - minh chứng cho tinh thần cầu pháp, cởi mở và sớm hội nhập của Phật giáo xứ Thanh. Đến thời Lý - Trần, tư tưởng thiền học càng tỏa sáng với các danh tăng như Khuông Việt, Pháp Thuận, cùng các ngôi chùa lớn như Báo Ân, Linh Xứng gắn liền với công cuộc dựng nước thời Lý Thường Kiệt.



Chùa Báo Ân. Ảnh: Internet

Những dấu mốc ấy cho thấy, ngay từ buổi đầu, dòng chảy thiên môn đã thấm sâu vào mạch sống xứ Thanh, tạo nên nền tảng tinh thần bền vững cho cộng đồng. Qua bao biến thiên lịch sử, từ Lê sơ đến Lê trung hưng, chùa chiền vẫn là trụ cột tinh thần của làng xã, nơi dân gửi gắm niềm tin trong những giai đoạn khó khăn.

Đến thế kỷ XX, khi đất nước bước vào hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, sợi dây thiên - nhập thế ấy càng thể hiện rõ rệt: nhiều ngôi chùa trở thành cơ sở cách mạng, nuôi giấu cán bộ, cứu chữa thương binh.

Trong dòng chảy đó, Ni giới Thanh Hóa đã có những đóng góp tiêu biểu. Nếu các bậc cao tăng để lại dấu ấn lớn lao trên chiến trường hay trong vận động hòa giải, thì Ni giới - những người nữ khoác áo nâu sòng - lại chọn con đường khác: lặng thầm nhưng kiên định, bền bỉ. Họ biến ngôi chùa nhỏ thành hậu phương kháng chiến, biến áo nâu nhà tu thành tấm bình phong che chở cán bộ, và biến hạnh nguyện từ bi thành sức mạnh nuôi dưỡng cách mạng.

## **2. Ni sư xứ Thanh trong kháng chiến chống Pháp: “Áo nâu giữ nước”**

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, kháng chiến toàn quốc bùng nổ cuối năm 1946. Trong bối cảnh cả dân tộc đứng lên bảo vệ nền độc lập non trẻ, nhiều ngôi chùa tại Thanh Hóa đã trở thành nơi nuôi giấu cán bộ, tích trữ lương thực, in truyền đơn cách mạng.

Các vị Ni sư - vốn bị xã hội thời đó xem là yếu mềm, chỉ biết kinh kệ tụng niệm - lại chính là những người âm thầm dẫn thân, bền bỉ sát cánh cùng nhân dân.



Chùa Hàn Sơn. Ảnh: Internet

Tiêu biểu trong thời kỳ này, các chùa Vĩnh Phúc, chùa Trào Âm, Kim Thành, Hàn Sơn, chùa Hải Vân, chùa Ngoại Thôn... trở thành nơi nuôi giấu cán bộ, đầu mối liên lạc, thậm chí làm trạm thương binh bệnh binh. Các Ni sư vừa tu hành, vừa hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng nhau tăng gia sản xuất, tổ chức phong trào Bình dân học vụ xóa mù chữ, tham gia “Tuần lễ Vàng”, “Tuần lễ Đồng” để quyên góp cho kháng chiến. Ni sư Đàm Diêm (chùa Ngọc Đới, Hậu Lộc) đã ủng hộ hai chiếc nhẫn vàng, nhiều lần đóng góp thóc gạo cho “Quỹ lúa khao quân” và còn được vinh dự tham gia đoàn đón Bác Hồ khi Người về thăm Thanh Hóa năm 1947. Ni sư Thích Đàm Thắng (chùa Ban Phúc) cũng tích cực mua Công phiếu quốc gia, ủng hộ chính quyền kháng chiến hàng trăm gánh thóc.

Cùng với đó, Ni sư Đàm Thêm (chùa Long Yên), Ni sư Đàm Hiên (chùa Đô Mỹ) và nhiều ni chúng khác đã phải đối diện với hiểm nguy, thường xuyên bị địch truy lùng, song vẫn giữ trọn đạo hạnh của bậc xuất gia, đồng thời đảm đương công việc cách mạng vì nền độc lập dân tộc. Một số ngôi chùa nhờ vị trí kín đáo như Quan Sơn Tự, chùa Thiên Vương đã trở thành công binh xưởng, nơi chế tạo, cất giấu vũ khí cho bộ đội. Không ít ngôi chùa bị địch đốt phá, song chính sự hy sinh thầm lặng ấy đã hun đúc nên truyền thống “áo nâu giữ nước” - minh chứng rõ rệt cho tinh thần nhập thế và gắn bó keo sơn giữa đạo pháp và dân tộc.

### **3. Ni sư xứ Thanh trong kháng chiến chống Mỹ: Hậu phương kiên trung**

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhiều Ni sư xứ Thanh tiếp tục khẳng định vai trò nhập thế, đồng hành cùng dân tộc. Tiêu biểu là Ni sư Thích Đàm Duyên (chùa Mật Đa) và Ni sư Thích Đàm Hương (chùa Tăng Phúc).

Tại chùa Mật Đa, Ni sư Đàm Duyên không những tiên phong tham gia Phong trào Bình dân học vụ, mà còn hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, quyết định đi gánh gạo, gánh muối, phục vụ cho Chiến dịch Điện Biên Phủ. Cùng với Ni trưởng Đàm Xuân đã biến mái chùa thành nơi nuôi dưỡng thương binh, che giấu cán bộ hoạt động bí mật. Trong những năm tháng ác liệt, chùa còn là điểm tập kết lương thực, thuốc men để chuyển vào chiến trường miền Nam. Người dân vẫn còn truyền lại hình ảnh Ni sư dáng người gầy nhỏ, ban ngày lo nghi lễ Phật sự, ban đêm lặng lẽ chuyển từng gùi gạo, thúng khoai cho bộ đội.



Chùa Kim Thành. Ảnh: Internet

Còn tại chùa Tăng Phúc, Ni sư Thích Đàm Hương nổi bật như một tấm gương nhập thế tiêu biểu. Ngôi chùa không chỉ là trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng của Phật tử trong vùng, mà còn là trạm y tế và khu vực hậu cần phục vụ cho quân và dân. Bản thân Ni sư nhiều lần trực tiếp vận động Phật tử đóng góp lương thực, tiền bạc, động viên thanh niên lên đường nhập ngũ. Không ít Phật tử sau khi nghe lời khuyên nhủ của Ni sư đã hăng hái tham gia quân ngũ, coi đó là bổn phận của người con Phật đối với dân tộc.

Những hoạt động thầm lặng nhưng bền bỉ của các Ni sư trong thời kỳ này đã chứng minh rằng: phụ nữ khoác áo nâu sòng không chỉ giữ gìn cửa thiền mà còn

trực tiếp tham gia vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Họ không cầm súng ngoài chiến trường, nhưng bằng cả tấm lòng từ bi và trí tuệ, đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng hậu phương vững chắc cho cách mạng. Chính những câu chuyện đời thường nhưng phi thường ấy đã làm rạng danh thêm “hào khí thiền môn xứ Thanh” trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

## **4. Ni giới xứ Thanh sau 1975: Xây dựng và đổi mới đất nước**

Sau ngày đất nước thống nhất, Phật giáo Thanh Hóa bước vào giai đoạn mới: vừa khắc phục hậu quả chiến tranh, vừa khôi phục sinh hoạt tín ngưỡng, đồng thời tham gia vào công cuộc kiến thiết quê hương. Trong bối cảnh đó, Ni giới tiếp tục phát huy truyền thống nhập thế, không chỉ duy trì hoạt động tôn giáo mà còn tích cực đóng góp cho các lĩnh vực xã hội, giáo dục và từ thiện.

Đặc biệt, Ni trưởng Thích Đàm Nhung là một nhân vật tiêu biểu. Xuất thân trong hoàn cảnh khó khăn, từ những ngày đầu xuất gia Ni sư Đàm Nhung đã quyết tâm dù phải lao động đủ nghề như cấy lúa, bán cháo, nhặt củi, đắp đê chỉ để được đi tu, nương chậy quê hương Thanh Hóa. Sau khi Hòa thượng Thích Thanh Cẩm viên tịch (1994), tỉnh Thanh Hóa gần như không còn chư Tăng (chỉ còn duy nhất một vị Sa di). Trước tình hình đó, Ni trưởng đã giữ chức Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh. Trong suốt nhiệm kỳ, Ni trưởng đã dẫn dắt Phật giáo tỉnh Thanh Hóa vượt qua giai đoạn khó khăn, giữ gìn sự đoàn kết nội bộ và khôi phục đời sống Phật sự.



Chùa Linh Xứng. Ảnh: Internet

Song hành cùng Ni trưởng Đàm Nhung, nhiều Ni sư khác ở Thanh Hóa cũng dẫn thân vào công tác từ thiện xã hội: xây dựng trường học, mở lớp mẫu giáo tình thương, vận động Phật tử ủng hộ đồng bào lũ lụt, tu sửa chùa chiền. Các hoạt động này không chỉ góp phần ổn định đời sống nhân dân, mà còn thể hiện rõ tinh thần “hộ quốc an dân” của Phật giáo.

Bước sang thời kỳ đổi mới, Ni giới Thanh Hóa tiếp tục phát huy vai trò trong việc giáo dục ni chúng, đào tạo thế hệ kế thừa, tham gia các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện chính sách nhân đạo, từ thiện. Từ chỗ chỉ được xem là “người giữ lửa trong cửa thiền”, họ đã trở thành những nhân tố tích cực của xã hội, vừa giữ trọn phẩm hạnh tu hành, vừa phụng sự Tổ quốc và nhân dân.

Có thể khẳng định rằng, với tấm lòng kiên định và trí tuệ từ bi, Ni giới xứ Thanh đã để lại dấu ấn sâu đậm trong sự nghiệp xây dựng và đổi mới đất nước sau 1975, tiếp nối mạch nguồn hào khí thiền môn, góp phần khẳng định hình ảnh Phật giáo Việt Nam hiện đại: luôn đồng hành cùng dân tộc trong mọi hoàn cảnh lịch sử.

## **5. Ni giới xứ Thanh sau 1975: Xây dựng và đổi mới đất nước**

Sau ngày đất nước thống nhất, các vị Ni sư Thanh Hóa không rời bỏ trách nhiệm mà tiếp tục gánh vác nhiều vai trò quan trọng, vừa duy trì sinh hoạt Phật sự, vừa tích cực tham gia công cuộc kiến thiết và phát triển quê hương.

Trước hết, trong lĩnh vực công tác xã hội, từ thiện, hàng chục ngôi chùa xứ Thanh đã trở thành mái nhà nuôi dưỡng trẻ mồ côi, nạn nhân chất độc da cam, người nghèo, người khuyết tật. Điển hình như chùa Hương Quang nhiều năm liền duy trì các bếp ăn từ thiện, phát cơm miễn phí cho bệnh nhân nghèo và học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Trong những đợt thiên tai, lũ lụt, Ni giới cũng là lực lượng đi đầu trong việc quyên góp, cứu trợ, thể hiện tinh thần từ bi của đạo Phật gắn liền với trách nhiệm công dân.

Thứ hai, đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam, sau khi Giáo hội được thống nhất năm 1981, nhiều Ni sư Thanh Hóa đã tham gia Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, giữ vai trò đại diện giới Ni trong các hội nghị, hội thảo của Trung ương Giáo hội, đồng thời tích cực trong phong trào hồng pháp. Nổi bật nhất là Ni trưởng Thích Đàm Nhung, người từng đảm nhiệm chức Trưởng Ban Trị sự Phật giáo Thanh Hóa trong giai đoạn đặc biệt khó khăn khi tỉnh gần như vắng bóng chư Tăng. Với bản lĩnh và tâm nguyện phụng sự, Ni trưởng đã chèo lái con thuyền Giáo hội tỉnh nhà, củng cố niềm tin Phật tử và mở đường cho sự phát triển ổn định sau này.

Thứ ba, trong lĩnh vực gìn giữ văn hóa - di sản Phật giáo, nhiều Ni sư trụ trì đã có công lớn trong việc phục dựng, trùng tu các ngôi chùa cổ, tổ chức lễ hội truyền thống, duy trì nếp sống đạo giữa lòng cộng đồng. Song song đó, họ còn tổ chức các khóa tu mùa hè cho thanh thiếu niên, góp phần giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho thế hệ trẻ, qua đó lan tỏa tinh thần nhập thế tích cực của Phật giáo.

Đặc biệt, trong đại dịch COVID-19 vừa qua, Ni giới Thanh Hóa cùng với Tăng Ni toàn tỉnh đã quyên góp hàng chục tấn gạo, khẩu trang, thuốc men, nhu yếu phẩm để tiếp sức tuyến đầu và hỗ trợ người dân nghèo vượt qua khó khăn. Những việc làm ấy đã khẳng định rõ tinh thần “đạo pháp đồng hành cùng dân tộc” trong bối cảnh hiện đại, đưa hình ảnh Ni giới trở thành điểm tựa cả về vật chất lẫn tinh thần cho cộng đồng.

Nhìn chung, từ sau 1975 đến nay, Ni giới xứ Thanh không chỉ giữ trọn phẩm hạnh của người xuất gia, mà còn khẳng định vai trò là một lực lượng xã hội tích cực, góp phần quan trọng trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước.

## **6. Đặc điểm nổi bật trong tinh thần nhập thế của Ni giới xứ Thanh**

Nhìn lại chặng đường lịch sử từ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ đến thời kỳ xây dựng và đổi mới đất nước, có thể thấy tinh thần nhập thế của Ni giới Thanh Hóa mang nhiều đặc điểm nổi bật, thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa tâm từ bi của Phật giáo và tinh thần yêu nước của dân tộc.



Trước hết, không có sự mâu thuẫn giữa đạo và đời. Các Ni sư Thanh Hóa nhận thức rõ rằng Phật giáo chân chính không thể đứng ngoài vận mệnh quốc gia. Bởi vậy, trong bất cứ hoàn cảnh nào, họ đều thể hiện tinh thần “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội” bằng những hành động cụ thể: nuôi giấu cán bộ, tích trữ lương thực trong kháng chiến; tham gia công tác xã hội, giáo dục, từ thiện trong hòa bình. Chính quan niệm nhập thế này đã giúp Ni giới vượt qua những định kiến giới tính, khẳng định vị thế trong đời sống Phật giáo và xã hội.

Thứ hai, giản dị nhưng kiên cường. Phần lớn Ni sư Thanh Hóa sống trong điều kiện vật chất kham khổ, ngôi chùa nghèo nàn, nguồn lực hạn chế. Tuy vậy, họ vẫn giữ trọn giới luật tu hành, chăm lo Phật sự và gánh vác công tác xã hội. Trong kháng chiến, không ít Ni sư phải vừa tụng kinh niệm Phật, vừa gùi gạo, giấu vũ khí; trong hòa bình, họ vừa lo hương khói cửa thiền, vừa chèo lái các hoạt động từ thiện, giáo dục, an sinh. Chính sự kiên cường trong giản dị ấy đã tạo nên sức mạnh tinh thần đặc biệt.

Thứ ba, âm thầm phụng sự, không phô trương. Nhiều đóng góp của Ni giới chỉ còn được biết qua giai thoại truyền miệng, những dòng bia ký nhỏ trong chùa, hay lời kể lại của nhân chứng. Họ không tìm kiếm sự ghi nhận cá nhân, mà xem sự hy sinh thầm lặng là một phần bổn phận của người con Phật đối với đất nước. Chính sự vô ngã và tinh thần phụng sự âm thầm ấy đã làm nên vẻ đẹp bền lâu của hình ảnh Ni giới xứ Thanh trong lòng nhân dân.

Có thể nói, những đặc điểm này đã hợp thành một sắc thái riêng biệt của hào khí thiền môn xứ Thanh, nơi mà những người nữ khoác áo nâu sống vừa giữ trọn đạo hạnh, vừa phụng sự Tổ quốc bằng tất cả sự kiên định và từ bi.

## 7. Kết luận

Các vị Ni sư Thanh Hóa, những bóng áo nâu khiêm nhường, đã góp phần tô đậm truyền thống yêu nước, nhân ái và bất khuất của Phật giáo Việt Nam. Trải qua những năm tháng chiến tranh cũng như trong công cuộc kiến thiết hòa bình, họ luôn hiện diện như minh chứng sống động cho lý tưởng “vị tha” và “phụng sự nhân sinh”. Từ những hành động lặng thầm nơi cửa chùa, Ni giới xứ Thanh đã thể hiện rõ tinh thần “đạo pháp đồng hành cùng dân tộc”, đồng thời khẳng định sức sống bền bỉ của Phật giáo – một tôn giáo gắn bó máu thịt với vận mệnh đất nước. Dù nhiều cố gắng không ghi dấu tên tuổi, chúng vẫn được nhân dân trân trọng, trở thành nét son trong truyền thống thiền môn xứ Thanh và tiếp tục lan tỏa như nguồn cảm hứng cho thế hệ hôm nay.



Việc ghi nhận, tôn vinh và nghiên cứu sâu hơn về vai trò của Ni giới vừa là hành động tri ân, vừa là nguồn cảm hứng cho thế hệ tăng ni, Phật tử hôm nay. Đó là bài học quý báu về sự kiên định, hòa hợp giữa đạo và đời, và tinh thần phụng sự không ngừng nghỉ vì dân tộc và nhân loại.

Tác giả: **Kiều Phương Nhung**

*Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội*

### **Chú thích:**

1) Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **Tài liệu tham khảo:**

1] Trần Văn Giàu (1993), *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

2] Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập III, Nxb Văn học, Hà Nội.

3] Võ Văn Dũng (2024), *Phát huy vai trò của Ni giới trong xã hội*, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 7 (2016), nguồn: <https://phatgiao.org.vn/phat-huy-vai-tro-cua-ni-gioi-trong-xa-hoi-d88854.html> (truy cập ngày 15/8/2025).

4] Tục Đăng (2017), *Phật giáo Thanh Hóa trong dòng chảy lịch sử dân tộc*, Báo Giác Ngộ, nguồn: <https://giacngo.vn/phat-giao-thanh-hoa-trong-dong-chay-lich-su-dan-toc-post40039.html> (truy cập ngày 15/08/2025).

5] Nguyễn Đại Đồng (2022), *Phật giáo Thanh Hóa 1945 - 1954 (Kỳ 1)*, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 5, nguồn <https://www.tapchinghiencuuphathoc.vn/phat-giao-thanh-hoa-1945-1954-ky-1.html> (truy cập ngày 15/08/2025).

6] Thích Thiện Nhơn (2022), *Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng sự phát triển của đất nước*, Báo Quân đội Nhân dân, nguồn: <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/dan-toc-tongiao/phat-giao-viet-nam-dong-hanh-voi-su-phat-trien-cua-dat-nuoc-712302> (truy cập ngày 15/08/2025).

7] Thích Nguyên Phong (2016), *Tìm hiểu về Phật giáo Thanh Hóa*, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 11 (2016), nguồn: <https://tapchinghiencuuphathoc.vn/tim-hieu-ve-phat-giao-thanh-hoa.htm> (truy cập ngày 15/8/2025).

8] Thích Thanh Phương, Bùi Hữu Dực, Thích Minh Hải, Trần Ngọc Thoan (2025), *Ni trưởng Thích Đàm Duyên - nữ tu gánh gạo ra chiến trường, thấp sáng tinh thần “phụng đạo yêu nước”*, Website Công an nhân dân TP HCM, nguồn: <https://byvn.net/lm8q> (truy cập ngày 19/08/2025).

9] Thanh Xuân (2022), *Ni sư Thích Đàm Hương - người luôn hướng về cộng đồng*, Website Thành phố Thanh Hóa, nguồn: <https://byvn.net/KgE9> (truy cập ngày 15/08/2025).